

Số: 06 /2020/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 15 tháng 7 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu một số loại phí và lệ phí; tỷ lệ (%) để lại cho các tổ chức,  
cá nhân thu phí trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ  
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2016;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 2767/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Quy định mức thu một số loại phí và lệ phí; tỷ lệ (%) để lại cho các tổ chức, cá nhân thu phí trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

1. Phí thuộc lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (*Phụ lục số 01*): phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống (đối với hoạt động bình tuyển, công nhận do cơ quan địa phương thực hiện).

2. Phí thuộc lĩnh vực Giao thông, vận tải (*Phụ lục số 02*): phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố.



3. Phí thuộc lĩnh vực Văn hóa, thể thao, du lịch (*Phụ lục số 03*): phí thu viện tỉnh Phú Thọ.

4. Phí thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường (*Phụ lục số 04*):

a) Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện);

b) Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện);

c) Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

d) Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện);

đ) Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện);

e) Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện);

g) Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện);

h) Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai.

5. Phí thuộc lĩnh vực Tư pháp (*Phụ lục số 05*):

a) Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

b) Phí đăng ký biện pháp bảo đảm (đối với hoạt động đăng ký do cơ quan địa phương thực hiện).

6. Lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân (*Phụ lục số 06*):

a) Lệ phí đăng ký cư trú (đối với hoạt động do cơ quan địa phương thực hiện);

b) Lệ phí cấp chứng minh nhân dân (đối với hoạt động do cơ quan địa phương thực hiện);

c) Lệ phí hộ tịch;

d) Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam (đối với cấp phép do cơ quan địa phương thực hiện).



7. Lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản (*Phụ lục số 06*):

a) Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất;

b) Lệ phí cấp giấy phép xây dựng.

8. Lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến sản xuất, kinh doanh (*Phụ lục số 06*): lệ phí đăng ký kinh doanh.

## **Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XVIII, Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2020; thay thế Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu một số loại phí và lệ phí; tỷ lệ phần trăm (%) để lại cho các tổ chức, cá nhân thu phí trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu một số loại phí và lệ phí; tỷ lệ phần trăm (%) để lại cho các tổ chức, cá nhân thu phí trên địa bàn tỉnh Phú Thọ./.

### **Nơi nhận:**

- UBTVQH, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VKSND, TAND;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, PCVP;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- TT Công báo - Tin học (VPUBND tỉnh);
- Lưu: VT, TH (L.30..b).

**CHỦ TỊCH**



**Bùi Minh Châu**